TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **184**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Linh Thị Ngọc Thạch

2. Bà Nguyễn Thị Thu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 559/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1967

Địa chỉ: tổ A, ấp A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Võ Đình A, sinh năm: 1967

Địa chỉ: tổ A, ấp A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Võ Đình A tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 1989 tại Ủy ban nhân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Trước đó cả hai chưa ai có vợ có chồng.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong tất cả các vấn đề gia đình. Ông A không có trách nhiệm với gia đình, ghen tuông vô cớ, thường xuyên nhục mạ, đánh đập bà. Do đó, ông bà không thể cùng nhau tiếp tục xây dựng một gia đình hạnh phúc. Hiện ông bà không còn quan tâm đến nhau, không chăm sóc

nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng không liên quan đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Võ Đình A.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Đình A có với nhau 02 con chung tên Võ Nhật V, sinh ngày: 31/01/1989; Võ Thị Yến N, sinh ngày: 01/01/1999. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H trình bày không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H trình bày không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Đình A được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông Võ Đình A vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của ông Võ Đình A đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Võ Đình A.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Võ Nhật V, sinh ngày: 31/01/1989; Võ Thị Yến N, sinh ngày: 01/01/1999. Hiện nay các con chung của ông bà đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H trình bày không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung bà Nguyễn Thị H trình bày không có, ông Võ Đình A không có lời khai về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền của Tòa án: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện ông Võ Đình A về việc Ly hôn. Do đó, quan hệ pháp luật là "*Ly hôn"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Võ Đình A có nơi cư trú tại tổ A, ấp A, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện ông Võ Đình

A, nên xác định bà H là nguyên đơn, ông A là bị đơn theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; ông Võ Đình A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt ông Võ Đình A theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Đình A tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 1989 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn, nhận thấy: bà Nguyễn Thị H trình bày quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong tất cả các vấn đề gia đình. Ông A không có trách nhiệm với gia đình, ghen tuông vô cớ, thường xuyên nhục mạ, đánh đập bà. Do đó, ông bà không thể cùng nhau tiếp tục xây dựng một gia đình hạnh phúc. Hiện ông bà không còn quan tâm đến nhau, không chăm sóc nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng không liên quan đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Võ Đình A.

Tại Biên bản xác minh ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại ấp A, xã X (bút lục số 23) thể hiện ông Võ Đình A hiện nay đang cư trú và sinh sống tại địa phương; về quan hệ hôn nhân hiện nay bà Nguyễn Thị H và ông Võ Đình A như thế nào thì chính quyền không nắm rõ vì khi xảy ra mâu thuẫn các bên không có báo chính quyền để tiến hành hòa giải. Trong quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Võ Đình A đến tham gia các buổi làm việc, xét xử nhưng ông A vắng mặt không có lý do chính đáng. Thấy rằng, bà H cương quyết xin ly hôn nhưng ông A không có nỗ lực thật sự để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng mặc dù Tòa án đã cho thời gian để ông A và bà H đoàn tụ vợ chồng nhưng ông A không đến Tòa án để làm việc và ông A cũng thờ ơ về việc bà H xin ly hôn với anh nên không có kết quả. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của bà H và ông A mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Đình A có với nhau 02 con chung tên Võ Nhật V, sinh ngày: 31/01/1989; Võ Thị Yến N, sinh ngày: 01/01/1999. Hiện nay các con chung của ông bà đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Võ Đình A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy không giải quyết.

[8] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H trình bày không có. Ông Võ Đình A

đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến làm việc nên không có lời khai do vậy không giải quyết.

[9] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Võ Đình A.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và Giấy chứng nhận kết hôn số 34, ngày 06 tháng 5 năm 1989 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ Đình A có với nhau 02 con chung tên Võ Nhật V, sinh ngày: 31/01/1989; Võ Thị Yến N, sinh ngày: 01/01/1999. Hiện nay các con chung của ông bà đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết

4. Về nợ chung: Không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008200 ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H, ông Võ Đình A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND cấp xã;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hải